

Số: KH1T-30/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ 21/10-20/11/2026)**

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật thời kỳ 21/9-20/10/2026

+ ***Đông, lốc, sét:*** Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận đông, lốc, sét (*Phụ lục – Bảng 1*).

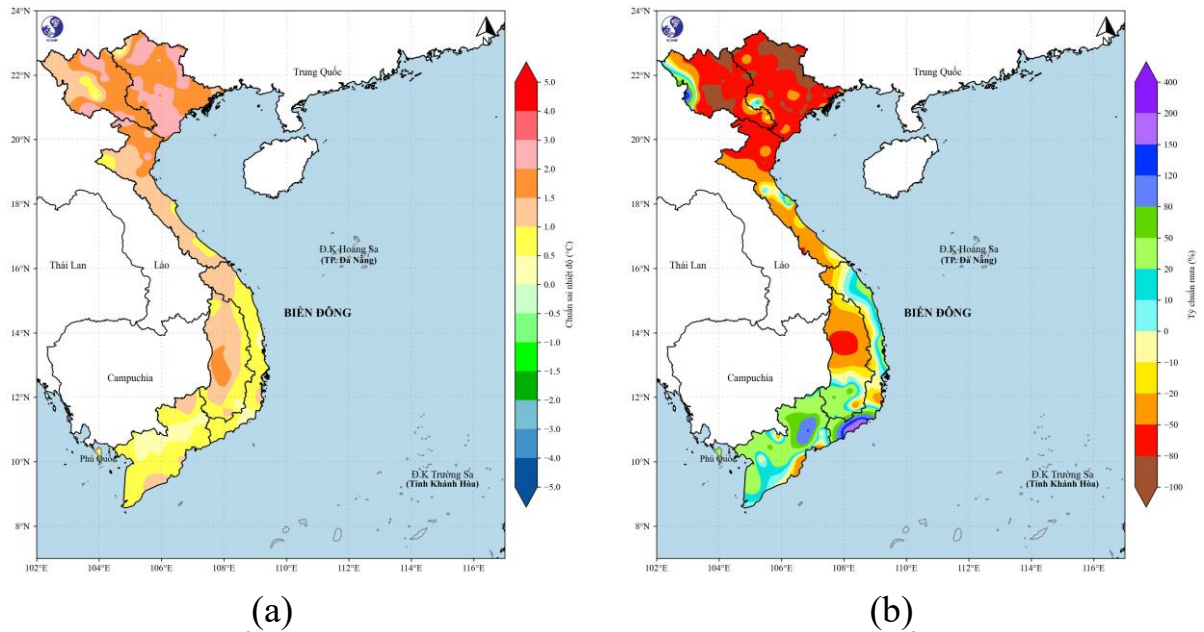
+ ***Mưa diện rộng:*** Trong thời kỳ 21/9-20/10/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 02 đợt mưa từ ngày 23-24/9 và ngày 04-05/10. Khu vực Trung Bộ xảy ra 03 đợt mưa diện rộng như sau: Từ ngày 21-26/9 (kéo dài từ 04-26/9), từ ngày 04-10/10 và từ ngày 17-19/10 tại khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ. Đáng chú ý đợt mưa từ ngày 04-10/10, khu vực Thanh Hóa-Nghệ An có mưa vừa, có nơi mưa to trong ngày 04-05/10, từ ngày 05/10 mở rộng toàn khu vực; đặc biệt, khu vực từ Tp. Huế đến Quảng Ngãi có mưa to đến rất to với TLM phổ biến 300-500mm, có nơi cao hơn. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to trên diện rộng.

Trong thời kỳ 21/9-20/10/2026, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Phụ lục-Bảng 2*).

+ ***Nắng nóng (NN):*** Trong thời kỳ 21/9-20/10/2026, khu vực Bắc Bộ xuất hiện 01 đợt NN diện rộng từ ngày 28/9-02/10, với nhiệt độ cao nhất phổ biến 35,0-37,0⁰C, có nơi trên 37,0⁰C. Khu vực Trung Bộ đã xảy ra 01 đợt NN diện rộng từ 28-30/9 (NN tập trung chủ yếu khu vực từ Thanh Hóa-Tp. Đà Nẵng) nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong đợt NN phổ biến từ 35,0-38,0⁰C, có nơi trên 38,0⁰C. Đáng chú ý, đợt NN từ ngày 28/9-02/10 tại khu vực Bắc Bộ đã ghi nhận 50 giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ, ngoài ra cũng ghi nhận một số trạm khí tượng quan trắc được các giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS tại các khu vực còn khác trên cả nước (*Phụ lục-Bảng 3*).

+ ***Không khí lạnh (KKL):*** Trong thời kỳ 21/9-20/10/2026, xảy ra 01 đợt KKL vào đêm 04/10, đã gây ra mưa, mưa vừa diện rộng, có nơi mưa to tại khu

vực Bắc Bộ và Thanh Hóa-Nghệ An, sau đó vùng mưa mở rộng xuống phía Nam; nhiệt độ trung bình ngày giảm 2,0-4,0⁰C tại Bắc Bộ và Thanh Hóa đến TP. Huế, tại trạm Bạch Long Vĩ quan trắc gió Đông Bắc mạnh cấp 5, có lúc cấp 6 trong ngày 05-06/10.



Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) thời kỳ 21/9-20/10/2026

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB):** Trong thời kỳ 21/9-20/10/2026, nhiệt độ trung bình (NĐTB) trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn từ 0,5-1,5⁰C, riêng khu vực Bắc Bộ cao hơn từ 1,5-2,0⁰C, có nơi cao hơn (Hình 1a).

+ **Lượng mưa:** Trong thời kỳ 21/9-20/10/2026, TLM tại khu Bắc Bộ, Thanh Hóa-Nghệ An thấp hơn từ 50-80%; khu vực Hà Tĩnh-Tp. Huế và phía Bắc Cao nguyên Trung bộ thấp hơn từ 20-40% so với TBNN cùng thời kỳ. Các khu vực còn lại trên cả nước đều ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 30-70% so với TBNN; đặc biệt tại khu vực một số nơi ở miền Đông Nam Bộ có TLM cao hơn từ 80-120% so với TBNN (Hình 1b).

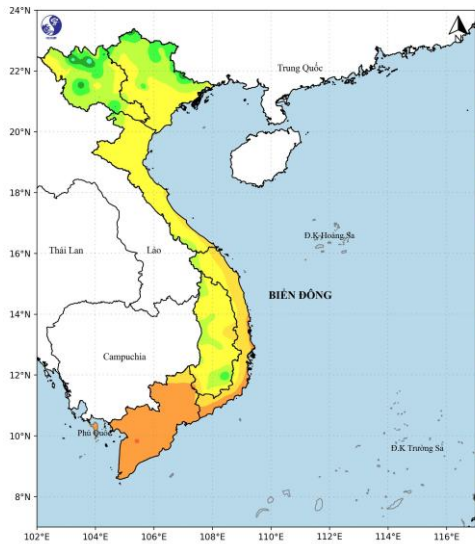
2. Dự báo xu thế khí hậu thời kỳ 21/10-20/11/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

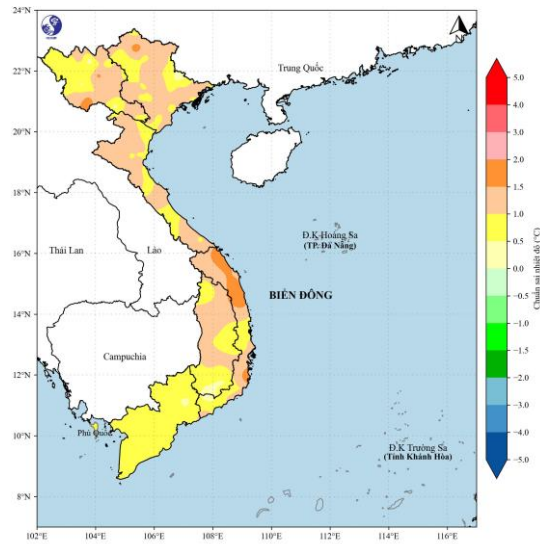
Trong thời kỳ dự báo, NĐTB trên toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0⁰C; riêng khu vực Nam Bộ cao hơn từ 0,5-1,0⁰C (Hình 2b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

TLM tại khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa-Nghệ An và Nam Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ; các khu vực còn lại phổ biến thấp hơn từ 20-40% (Hình 3b).

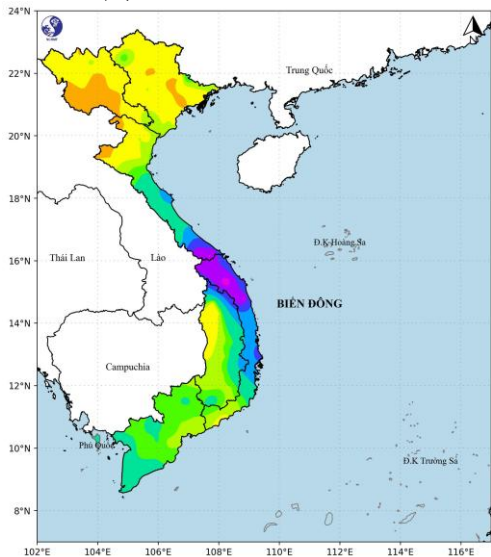


(a)

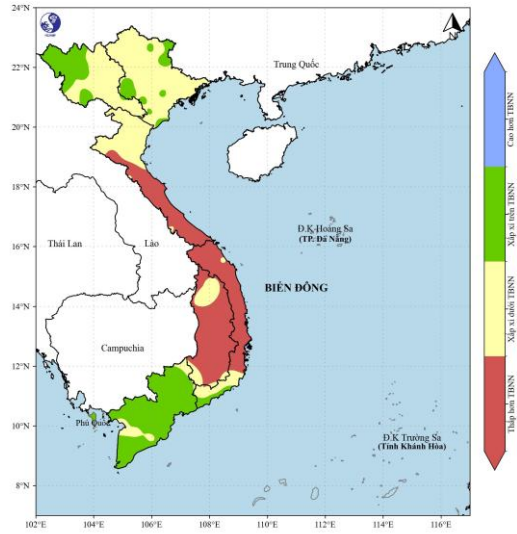


(b)

Hình 2: (a) Nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) TBNN thời kỳ 21/10-20/11;
(b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) thời kỳ 21/10-20/11/2026



(a)



(b)

Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN thời kỳ 21/10-20/11; (b) Dự báo xu thế lượng mưa thời kỳ 21/10-20/11/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ **Bão/ATNĐ:** Trong thời kỳ 21/10-20/11/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ (TBNN: trên khu vực Biển Đông là 1,6 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,6 cơn).

+ **Mưa diện rộng:** Trong thời kỳ dự báo, mưa diện rộng vẫn có khả năng xuất hiện trên toàn quốc, trong đó mưa vừa, mưa to có khả năng xảy ra tập trung tại khu vực Trung Bộ.

+ **Không khí lạnh:** Các đợt KKL ảnh hưởng đến Bắc Bộ và Trung Bộ có khả năng hoạt động yếu hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng tiếp tục xuất hiện trên phạm vi cả nước.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Trên đất liền, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với hội tụ gió ở các tầng khí quyển trên cao, gió mùa Tây Nam và KKL có thể gây ra các đợt mưa diện rộng, nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Trên biển, cần đề phòng gió mạnh do ảnh hưởng của KKL, gió mùa Tây Nam, hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới hoặc mưa dông cục bộ gây nguy hiểm cho hoạt động của tàu thuyền.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ 21/10-20/11/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/10		Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,0-23,0	5-10	22,0-23,0	5-10	22,0-23,0	5-10	22,0-23,0	15-30
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	5-10	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	5-10	24,0-25,0	20-40
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,0-23,0	5-10	21,0-22,0	10-20	21,0-22,0	5-10	21,0-22,0	20-40
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	10-20	24,5-25,5	10-20	24,5-25,5	10-20	24,5-25,5	30-60
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	10-20	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	30-60
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,0-26,0	10-20	24,5,25,5	10-20	24,5,25,5	10-20	24,5,25,5	30-60
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	25,0-26,0	50-100	24,5-25,5	50-100	24,5-25,5	50-100	24,5-25,5	150-320
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	100-200	25,0-26,0	100-200	25,0-26,0	100-200	25,0-26,0	300-600
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	10-20	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	30-60

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/10		Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	27,0-28,0	100-200	27,0-28,0	100-200	27,0-28,0	100-200	27,0-28,0	300-600
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	27,0-28,0	100-200	26,0-27,0	100-200	26,0-27,0	100-200	26,0-27,0	300-600
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	30-60	23,0-24,0	30-60	23,0-24,0	30-60	23,0-24,0	100-200
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	30-60	28,0-29,0	30-60	28,0-29,0	30-60	28,0-29,0	100-200
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,0-28,0	40-80	27,5-28,5	40-80	27,5-28,5	40-80	27,5-28,5	140-250

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 5- Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 12h00 ngày 01/11/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 21/10/2026./.

Soát tin: Trần Quang Điệp

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết ở quy mô nhỏ trong thời kỳ 21/9-20/10/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Đông, lốc	Cần Thơ	01/10/2026
Đông, lốc, sét	Điện Biên, Sơn La, Hà Tĩnh	4/10/2026
Mưa lớn kèm đông lốc	An Giang	13-14/10/2026

Bảng 2: Lượng mưa ngày thời kỳ từ 21/9-20/10/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 9 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Quy Nhơn (Gia Lai)	144,9	22/9/2022	176,0	23/9/2026
2	Phan Thiết (Lâm Đồng)	122,8	25/9/1962	176,8	23/9/2026
3	Phan Rí (Lâm Đồng)	82,6	25/9/2018	213,6	23/9/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Điện Biên (Điện Biên)	97,2	10/10/2015	169,8	05/10/2026
2	Phan Rí (Lâm Đồng)	97,9	30/10/2025	166,1	08/10/2026

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong thời kỳ từ 21/9-20/10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 9 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,0	14/09/2026	34,0	28/09/2026
2	Chi Nê (Phú Thọ)	37,3	02/09/1988	37,6	29/09/2026
3	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	37,2	05/09/2024; 02/09/2020	37,3	29/09/2026

4	Nam Định (Ninh Bình)	36,6	02/09/2020	37,0	29/09/2026
5	Phủ Lý (Hà Nam) (Ninh Bình)	37,0	06/09/2015	37,5	29/09/2026
6	Nho Quan (Ninh Bình)	37,4	03/09/1988	37,7	29/09/2026
7	Thái Bình (Hưng Yên)	36,0	07/09/2025	36,5	29/09/2026
8	Huyện Trăn (Tp. Hồ Chí Minh)	33,0	13/09/2020	34,2	29/09/2026
9	Mai Châu (Phú Thọ)	37,4	19/09/2017	37,4	30/09/2026
10	Bạch Long Vĩ (Tp. Hải Phòng)	34,3	05/09/2020	34,4	30/09/2026
11	Láng (Tp. Hà Nội)	38,2	08/09/2025	38,4	30/09/2026
12	Hưng Yên (Hưng Yên)	36,6	05/09/2024	37,0	30/09/2026
13	Pleiku (Gia Lai)	32,3	19/09/2026	32,3	30/09/2026
14	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	31,1	30/09/2024; 08/09/2020; 22/09/2015	31,4	30/09/2026
15	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	32,9	29/09/2024	33,2	30/09/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mai Châu (Phú Thọ)	37,2	11/10/2003	37,3	01/10/2026
2	Chi Nê (Phú Thọ)	35,6	11/10/2003	36,0	01/10/2026
3	Bắc Hà (Lào Cai)	30,1	12/10/2003	30,3	01/10/2026
4	Phổ Ràng (Lào Cai)	35,6	09/10/2021	35,8	01/10/2026
5	Yên Bái (Lào Cai)	35,0	08/10/2021; 07/10/2021; 03/10/1995	35,0	01/10/2026

6	Bắc Mê (Tuyên Quang)	36,5	07/10/2021	37,3	01/10/2026
7	Tuyên Quang (Tuyên Quang)	35,0	03/10/1995	35,2	01/10/2026
8	Hàm Yên (Tuyên Quang)	35,7	08/10/2021	35,7	01/10/2026
9	Phú Hộ (Phú Thọ)	34,5	13/10/1995	35,3	01/10/2026
10	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	35,8	06/10/2023	36,9	01/10/2026
11	Bảo Lạc (Cao Bằng)	36,4	05/10/2016; 21/10/1969	37,0	01/10/2026
12	Thất Khê (Lạng Sơn)	35,7	06/10/2021	36,0	01/10/2026
13	Lạng Sơn (Lạng Sơn)	33,8	04/10/2023	34,0	01/10/2026
14	Ba Vì (Tp. Hà Nội)	35,5	12/10/2003	35,5	01/10/2026
15	Hoài Đức (Tp. Hà Nội)	35,7	06/10/2023	36,5	01/10/2026
16	Hà Đông (Tp. Hà Nội)	35,7	05/10/2025	36,5	01/10/2026
17	Hải Dương (Tp. Hải Phòng)	35,4	07/10/2021	35,5	01/10/2026
18	Hưng Yên (Hưng Yên)	35,5	01/10/2014	36,0	01/10/2026
19	Nam Định (Ninh Bình)	35,5	05/10/2025; 04/10/2023	35,7	01/10/2026
20	Phủ Lý (Hà Nam) (Ninh Bình)	35,0	05/10/2023; 04/10/2023	35,9	01/10/2026
21	Nho Quan (Ninh Bình)	35,1	12/10/2003	35,9	01/10/2026
22	Ninh Bình (Ninh Bình)	35,0	04/10/2023	35,6	01/10/2026
23	Hương Khê (Hà Tĩnh)	35,8	12/10/2003	36,0	01/10/2026
24	Đông Hà (Quảng Trị)	35,0	21/10/2016	35,5	01/10/2026

25	Nam Đông (Tp. Huế)	35,5	12/10/1987	35,6	01/10/2026
26	Lắc (Đắk Lắk)	33,0	10/10/2017; 13/10/2008; 21/10/2002	33,0	03/10/2026; 01/10/2026
27	Biên Hòa (Tp. Đồng Nai)	35,9	19/10/2025	36,2	01/10/2026
28	Nhà Bè (Tp. Hồ Chí Minh)	34,8	28/10/2018; 12/10/2018; 12/10/2017	35,2	01/10/2026
29	Mường Tè (Lai Châu)	37,2	19/10/1991	38,0	02/10/2026
30	Mường Lay (Lai Châu) (Điện Biên)	36,4	11/10/1998	36,4	02/10/2026
31	Điện Biên (Điện Biên)	35,7	05/10/2023	35,8	02/10/2026
32	Cò Nòi (Sơn La)	34,0	05/10/2025	35,7	02/10/2026
33	Bắc Yên (Sơn La)	32,7	23/10/2019	34,2	02/10/2026
34	Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,3	05/10/2025	34,2	02/10/2026
35	Việt Trì (Phú Thọ)	35,0	06/10/2023; 08/10/2021	35,8	02/10/2026
36	Tam Đảo (Phú Thọ)	29,5	25/10/2013	30,0	02/10/2026
37	Sơn Tây (Tp. Hà Nội)	35,6	12/10/2003	36,0	02/10/2026
38	Láng (Tp. Hà Nội)	36,4	05/10/2023	37,1	02/10/2026
39	Chí Linh (Tp. Hải Phòng)	35,8	05/10/2023	36,0	02/10/2026
40	Cúc Phương (Ninh Bình)	34,2	05/10/2023	34,2	02/10/2026
41	Trà My (Tp. Đà Nẵng)	35,0	09/10/2021	35,2	02/10/2026
42	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	33,0	01/10/2015	33,0	02/10/2026
43	Nha Trang (Khánh Hòa)	33,7	01/10/2024	34,4	02/10/2026

	Hòa)				
44	Tam Đường (Lai Châu)	31,0	20/10/2016	33,2	03/10/2026
45	Than Uyên (Lai Châu)	34,6	22/10/2016	35,4	03/10/2026
46	Yên Châu (Sơn La)	37,5	23/10/2019	38,3	03/10/2026
47	Hòn Dấu (Tp. Hải Phòng)	34,8	03/10/2014	37,2	03/10/2026
48	Tuyên Hóa (Quảng Trị)	36,4	12/10/2003	37,0	04/10/2026
49	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	32,7	01/10/2024	33,2	04/10/2026
50	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	30,5	01/10/2024; 07/10/2015	30,7	05/10/2026
51	Ba Tri (Vĩnh Long)	34,5	01/10/2024; 08/10/2023; 02/10/2015	35,2	05/10/2026
52	Bạc Liêu (Cà Mau)	33,5	10/10/2017	33,5	14/10/2026; 05/10/2026
53	Côn Đảo (Tp. Hồ Chí Minh)	33,2	04/10/2025	33,8	06/10/2026
54	Sóc Trăng (Tp. Cần Thơ)	34,4	14/10/2024; 09/10/2023	34,5	15/10/2026; 07/10/2026
55	Trà Nóc (Tp. Cần Thơ)	33,9	01/10/2021	34,5	12/10/2026
56	Trùng Khánh (Cao Bằng)	33,3	01/10/2021	34,4	13/10/2026
57	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,4	10/10/2017; 05/10/2009	34,8	14/10/2026
58	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	35,5	03/10/2009	36,0	19/10/2026
59	Phù Liễn (Tp. Hải Phòng)	34,5	12/10/2025	34,8	19/10/2026

Bảng 4: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
	Bộ	Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ)
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tp. Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Tp. Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ)
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
6	Khu vực Nam Bộ	Tp. Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau